

● TIỂU THUYẾT CÔNG GIÁO



QUỶ XUNG TỘI

Kỳ 51

MA VĂN LIÊU

(Người tình về từ hỏa ngục phần 11 kỳ 51)

Trong giao tế, có những mối tiếp xúc trong đó hai bên đều công khai, thẳng thắn và chân thật; có những mối tiếp xúc trong đó chỉ một bên công khai, thẳng thật còn bên kia quanh co, giấu giếm hay thủ đoạn để mưu đồ hơn thiệt... người ta gọi bên công khai thẳng thật là bên đứng ngoài sáng, bên quanh co giấu diếm mưu đồ là bên nấp trong tối.

Tương tự như giao tế, có những cuộc đối đầu giữa hai đối thủ, hai bên ra mặt công khai quyết đấu như hai võ sĩ có tinh thần thượng võ, không dùng những đòn ẩn trá... nhưng có những cuộc đối đầu một bên công khai, còn bên kia thì nấp lén, ẩn trá... người ta cũng gọi đối thủ công khai là người ở ngoài sáng, còn đối thủ thâm độc là kẻ ở trong tối.

Câu chuyện *Người tình về từ hỏa ngục* được đặt trên bối cảnh rộng là họ đạo Môi Khê với đủ hạng người và việc xảy ra vào thời Pháp thuộc (thực dân Pháp chiếm đóng nước Việt Nam từ năm 1884 đến năm 1945), trên bối cảnh hẹp là sự đối đầu giữa gia đình ông bà Cả và xẩm Lìn cùng với Dòng họ của ả hậu thuẫn ở sau lưng. Nhưng từ lâu trong cuộc đối đầu này, gia đình ông bà Cả ở ngoài sáng, xẩm Lìn và Dòng họ ở trong tối; “tối” đến nỗi gia đình ông bà Cả -dẫu cũng thuộc loại gian hùng- không hề ngờ rằng mình đang có kẻ địch rình mò trong bóng tối để ám hại...

Như dân gian nói: “*Con hơn cha, nhà có phúc*”, cô con gái thứ năm là Kiều Mỹ Hà, khôn ngoan, tài trí, mưu lược đến độ nhận ra tất cả, từ “*cơ đồ thế trận*”, đối thủ cho đến mọi gian ý của đối thủ... rồi bằng ý chí bất khuất, cô con gái này không chịu cứ để cho gia đình mình ở cái thế ngoài sáng bất lợi ấy, cô ta từ từ lật ngược thế cờ cách tài tình và vô cùng thâm hiểm.

Cô Năm đã “*tương kế tựu kế*”, cứ để cha mẹ và các chị vẫn ở ngoài sáng như xẩm Lìn nghĩ, nhưng ở ngoài sáng là để làm bình phong che giấu cho cô thu mình ở sâu trong tối, cực tối... làm như thế là vừa xoay ngược thế trận, vừa đánh lừa xẩm Lìn, khiến ả vẫn tưởng chỉ có mình ả ở trong tối, ngờ đâu còn có một địch thủ khác ở trong tối hơn, cực tối. Ai cũng rõ, khi huyết đấu với một đối thủ mà mình không hề biết mặt quả không còn gì nguy hiểm bằng (1)

Từ ngày biết rõ xẩm Lìn, thủ phạm gây nên những cái tang đau đớn, gây nên đại họa mẹ mình có dấu hiệu mất trí, và gây nên đại họa khác là cha mình bị suy sụp toàn diện, cô Năm dẫu rất đau đớn, nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh, vẫn cố giữ một thái độ im hơi lặng tiếng thuở nào, trừ duy nhất một lần cô giả vờ như được cha sai mang quà biếu lên Chợ Lớn để cầu hòa với Dòng họ xẩm Lìn; ngoài ra, tuyệt nhiên không ai thấy bóng dáng cô Năm đâu nữa, thậm chí gia nhân trong nhà mà cũng còn tưởng cô tiểu thư thứ năm chỉ là một cô gái hiền lành nhút nhát, hoặc hồn nhiên đến vô lo trước mọi thảm họa xảy ra cho gia đình mình... Đối với tất cả mọi người trong vùng, cô Năm từ lâu vẫn chỉ là một cô gái xinh đẹp, mỹ miều, duyên dáng và rất dễ thương, suốt ngày chỉ có đi học trường Tây rồi về thơ thẩn với hoa với bướm khi thì ở nơi này, lúc thì ở nơi khác trong khuôn viên dinh thự, ít nói, ít cười, thui thui như một kẻ đứng ngoài lề gia đình... Chính vì vậy, giờ đây, cô Năm không cho xẩm Lìn có nổi một ấn tượng nhỏ gì về mình ngoài hình ảnh lò mò một thành viên vô hại, chẳng đáng để ý... trong gia đình ông bà Cả. Ở đời “*ngựa bốn vó vẫn có lúc sảy chân*”, xẩm Lìn “*phù thủy*” lắm... nhưng cũng sảy chân, sảy ở chỗ này đây, sảy rất nặng là đàng khác!

Tác giả Như Thường mô tả rất dài dòng và chi tiết những chiến thuật trong toàn bộ mưu kế “Điều hổ ly sơn” mà cô Năm Mỹ Hà dùng để từ lời xảm Lìn ra ánh sáng, cho đến tiêu diệt ả. Dưới đây chỉ xin lược tóm.

Mưu kế “Điều hổ ly sơn” (dụ cho cộp rời khỏi núi, không cho nấp trong núi gây hại, mà ra khỏi núi để dễ giết) gồm 2 giai đoạn: giai đoạn một cô Năm khiến cho xảm Lìn bước ra khỏi bóng tối và lộ mặt, giai đoạn hai cô Năm tiêu diệt ả bằng chính cái cách “sát nhân bất kiến huyết” (giết người không thấy máu) mà ả đã gây cho gia đình mình.

Trước khi theo dõi tiếp những gì cô Năm làm, xin hãy ghé thăm lại nhà chung (tức nhà xứ) Môi Khôi chốc lát.

...
Viết rõ luật đạo (tức giáo luật Công giáo) rất nghiêm ngặt, cấm không làm phép xác lẫn cấm không được an táng người tự tử trong đất thánh (nghĩa trang người Công giáo) cho nên ông Cả dùng mọi cách giữ bí mật vụ cô con gái thứ tư, cô tư Mỹ Hồng, treo cổ tự tử. Thật ra chưa cần đến điều khoản ấy của giáo luật, ông bà Cả xưa nay, để bảo vệ tiếng tăm và địa vị, vẫn giữ bí mật mọi chuyện riêng tư của gia đình nhất nữa là những chuyện không hay, tai họa hay thất bại; thế là nhà chung chỉ biết và tin cô út Mỹ Hạnh chết vì bệnh, còn cô tư Mỹ Hồng qua đời do uống lầm thuốc... Hai đám tang, cách nhau khoảng vài tuần, được tổ chức rất linh đình với thánh lễ đi-súp (2), sau đó an táng ở một nơi tốt nhất có thành quách lâu đài... trong đất thánh. Khỏi phải nói cha sở và 4 cha phó sùng sốt như thế nào trước cái chết của Mỹ Hạnh, rồi khi còn chưa kịp bớt bàng hoàng thì lại sùng sốt tiếp... trước cái chết đột ngột của “người thân, người ơn” nhà chung là cô tư Mỹ Hồng; nếu người dự tang lễ cô út Mỹ Hạnh đông một thì người dự tang lễ của cô tư Mỹ Hồng đông gấp trăm, vì cô Tư vốn là “nàng tiên” hiền dịu và xinh đẹp của mọi người trong khu vực nhà chung... Sự thương tiếc hầu như lên đến đỉnh điểm.

Không thể tả hết quang cảnh cực kỳ linh đình trước sự quy tụ quá đông người dự tang lễ; lý do lớn nhất khiến đám tang thu hút rất nhiều người là sự hiếu kỳ của người dân lương giáo trong vùng; lý do kế tiếp là mối quan hệ rộng lớn của ông bà Cả; đúng như thế, chưa kể số người hiếu kỳ, chỉ cần tính sơ số người có liên quan đến gia đình ông bà Cả trong các mối giao tế đã lên đến vài trăm người từ khắp nơi đổ về, những người dưới quyền ông bà như hầu cận, gia nhân, gia đình, tá điền, thủ hạ... không sao đếm được, gần hết giáo dân trong họ đạo thì cũng đã lên đến vài ngàn; đừng quên có thể còn có những người bị hại dưới tay ông bà Cả muốn đi xem tai họa của ông bà ta cho hả giận... càng làm đám tang thêm đông nghịt. Đi kèm với sự tụ tập đông người là sự cực kỳ xôn xao, bàn tán, nhiều lời ra tiếng vào, đồn đoán, đơm đặt, giả thuyết v.v... trước 2 cái chết “lãng nhách”, không ngờ và vô cùng khó hiểu này.

Ngắm qua toàn bộ cảnh quan khu nhà thờ xác xơ, toi tả, nhếch nhác và bần thủ (3) sau mỗi tang lễ, đủ biết trong lòng người dân khắp vùng cũng ngổn ngang nhiều loại thắc mắc, nhiều thứ cảm tình, nhiều kiểu phản ứng trước 2 cái chết của 2 tiểu thư xinh đẹp mà vẫn số của nhà họ Kiều.

Trong số người dự tang lễ 2 cô gái “hồng nhan bạc mệnh” kia, có một số ít người theo dõi sát sao từng biểu hiện trên gương mặt của cha phó Lê Lâm. Nhưng, con nhà quyền thế quý tộc có khác! Cha phó khéo che giấu mọi cảm xúc bằng nét mặt thản nhiên đến lạnh lùng; nói vậy thôi, làm sao giấu mãi, đôi lúc cha phó cũng để lộ sự đau đớn tột cùng.

...
Đoạn kết của câu chuyện *Người tình về từ hỏa ngục* sẽ diễn ra tại đây, khu nhà chung giáo xứ Môi Khôi, nhưng hãy quay lại với Mỹ Hà và xảm Lìn, vì cuộc đối đầu giữa hai “con hổ cái” ấy còn có nhiều rắc rối cho hậu kết câu chuyện, nhưng đồng thời cũng để độc giả thưởng nghiệm hết luận lý (logique) hậu kết trong tấn tuồng do chính Đấng Hóa Công dàn dựng qua luật nhân

quả, cũng để thưởng nghiệm luật “ác giả ác báo” vô cùng chi li, chi li đến nhiệm nhặt, mà hình luật tự nhiên bắt những kẻ ác phải đền tội ngay đời này lẫn đời sau, còn là để thưởng nghiệm sự “chậm bắt bình” của Thiên Chúa, sự “chậm bắt bình” ấy không để con người chúng ta lạc quan, khinh dễ hay đùa giỡn, mà để kinh hãi, run sợ, để thấy rằng được Chúa ban cho kịp giờ thu xếp ăn năn hối cải, bởi vì không có kẻ ác nào hiểu rằng sự nén giận càng lâu của Trời Đất báo hiệu trận trừng phạt càng bùng nổ cách kinh hoàng.

...
Mấy tháng vừa qua sau 2 tang lễ đình đám, người dân lương giáo trong vùng bán kính rộng lớn quanh họ đạo Môi Khê bỗng thấy xuất hiện một gánh Sơn Đông (4) từ xa đến lưu diễn võ thuật và bán thuốc “cao đơn hườn tán” (5); gánh Sơn Đông mãi võ này do một ông chệt (người Tàu) làm chủ; ông chệt này tuổi trạc 40, dáng người thấp đậm nhưng đê đúc và nhanh nhẹn, khoa động và khéo léo ra đứng về một tay võ sư có hạng; giọng nói trầm hùng tỏ rõ nội khí thâm hậu, giọng nói như vậy nghe không to không ồn mà rất rõ... cách nói của ông cũng rất hấp dẫn khiến ông ta bán thuốc rất chạy; bên cạnh ông ta còn có một cô bé và một cậu bé tuổi xấp xỉ mười mười hai... phụ việc; vì xem “*hát xiệc Sơn Đông, hát không ăn tiền*” là nổi khoái trá vô cùng của bọn trẻ, ngắm đờn ông lực sĩ, chân bước như “bắt bộ”, tay hươ như múa quyền, miệng nói như ngâm thơ vịnh phú, từng chữ “bắt vần” (ăn vần như thơ) “ăn điệu” gọn lỏn nghe rất bùi tai là niềm vui của cánh đờn bà con gái; nói chung, gánh Sơn Đông nào mà chẳng mau chóng thu hút nam nữ, trẻ già, lớn nhỏ... có việc đi ngang qua, không thể cưỡng nổi, tấp ngay vào xem qua... bởi chỉ cách ăn nói rôm rả, những lời quảng cáo nhiều khi rất sáo rỗng nhưng nghe buồn cười, như mẫu quảng cáo dầu cù-là (6) sau đây:

- Đờn bà đau bụng chổng khu (khu là cái mông),
Xức vô một miếng, xách dù (cái ô) đi chơi
Đờn bà chổng bỏ chổng chê,
Xức vô một miếng, chổng mê tới già.

Trong số khán giả nữ là các bà các cô đi chợ ghé ngang vây quanh gánh Sơn Đông há hốc miệng nghe -ở thôn quê hiếm có gì để giải trí- có cả xâm Lìn; xem ra ả không giấu nổi lòng ái mộ đặc biệt ông chủ gánh người cùng “gốc” (dân tộc Hán), cùng “gác” (tỉnh Sơn Đông quê nội) với ả. Sau vài lần vẫn hát bắt chuyện, ả mời tay võ sư “lang bạt kỳ hồ” ấy về nhà để ả đãi đằng... Cũng hả dạ lắm thay trong lúc đang “phòng không gối chiếu”, trong lúc đang thiếu đồng minh hỗ trợ đánh phá ông bà Cả, trong lúc đang vắng đồng bọn để tham vấn mưu cơ...! Xâm Lìn “bị chịu” tay võ sư kỳ khu này quá, “bị chịu” đến mức ỉu xiu như cọng bún thiêu mặc cho tay chệt “quén” ả một cách dễ dàng và nhanh chóng.

Dân gian xưa nay hay mỉa mai cách thiên lệch:

*“Đàn ông nông nổi giếng khơi,
đàn bà sâu sắc như coi đặng trâu”.*

Nghĩa là đàn ông có nông nổi thì cũng vẫn sâu sắc như giếng nước sâu, còn đàn bà có sâu sắc lắm thì cũng chỉ cỡ cái khay trần nông cạn, tuy nhiên trong trường hợp này, trường hợp của xâm Lìn, câu ca dao ấy lại đúng. Chỉ một thời gian ngắn không ngờ, ả đã phải lòng tay chủ gánh Sơn Đông mãi võ người Hoa tên Lú, chệt Lú. Công tâm mà nói, xâm Lìn cũng có chút sâu sắc. Cái sâu sắc đó của ả là thông qua ái tình, manh tâm thu nạp chệt Lú làm việc cho mình -đồng hương với nhau dễ tin cậy- rồi mượn tay chệt Lú thực hiện bao mưu đồ kế tiếp còn dang dở... nhưng hỡi ôi! Cái sâu sắc ấy thật không đáng là bao so với cái nông cạn. Cũng như bao danh tướng bất khả chiến bại tự cổ chí kim nhiều nước nhiều thời, đang bách chiến bách thắng trước trùng trùng điệp điệp binh xa chiến mã của quân thù, nhưng lại về chịu chết đấm chết đui, chết dúi chết dụi dưới

nách những à “*già nhân ngãi, non vợ chồng*”. Chử tình mạnh hơn gươm đao súng đạn, hiểm hơn 36 kế Khổng Minh, xẩm Lìn là ai mà dám gánh ái tình? Tự dung kê vai vào mà gánh hỏi không nông cạn là gì?

Phải! Xẩm Lìn quên rằng người Tàu di dân sang Việt Nam tuy số lượng còn ít ỏi, nhưng số ít ấy đều là dân có máu liều (không có gì để mất); vì liều nên mới dám bỏ quê hương để tìm đến một nơi xa lạ mà “*muu sinh cầu tồn*” (tìm cách sống, tìm cách tồn tại). Âu cũng bởi vì ái tình mà xẩm Lìn quên... tính, vì yêu mà xẩm Lìn nên... yêu.

...
Cũng trong thời gian này, chính quyền thực dân sở tại bỗng quan tâm đặc biệt đến vụ cô út Mỹ Hạnh bị giết chết, cô tư Mỹ Hồng treo cổ tự vẫn... họ bỗng lật lại hồ sơ, mở cuộc điều tra cấp thiết; trước tiên, trưởng ty “*phó-lít*” (police: cảnh sát) tinh tổng trát cho đòi hết số gia nhân hiện đang có mặt trong dinh thự của ông bà Cả, từng người một phải đến ty để chịu thẩm vấn hỏi cung. Toàn bộ các cuộc thẩm vấn hỏi cung đều rất gắt gao và kéo dài đến vài tháng, có người phải đi đi – về về năm lần bảy lượt cũng chưa được yên, làm cho đám “*dân ngu khu đen*” của cô hai Mỹ Hương cực kỳ xáo trộn, cực kỳ lo lắng và vô cùng mất ăn mất ngủ, tinh thần họ lúc nào cũng căng thẳng như sợi dây đàn mong manh dễ đứt, căng thẳng đến độ có người vì quá sợ hãi mà cung khai hết mọi sự thật đã nghe đã thấy và đã biết, kẻ khác lại còn toan bỏ trốn, người nọ người kia thì hợp tác với ty phó-lít nhận công tác theo dõi hay làm việc này việc nọ... tất cả đều nháo nhào, hỗn loạn trong sợ hãi, tiếng khóc tiếng than, tiếng rên, sự nghi ngờ lẫn nhau, sự hằn học, sự tố giác, gây vây cánh, chia rẽ, mắng xiên mắng xỏ giữa đám gia nhân... làm cô hai Mỹ Hương vô cùng căng thẳng, lảng xảng chạy tới chạy lui với xẩm Lìn để vấn kế... chỉ một thời gian ngắn, những cái tên gọi như “*xẩm Lìn*”, “*mụ xẩm*”, “*con mẹ xẩm*”, “*thím Tám*”, “*ché Xán*”, “*mụ Tám*”... lúc nào cũng được nhắc tới trong mọi câu chuyện giữa đám gia nhân như danh nhân, người nổi tiếng, tài tử chớp bóng (điện ảnh), đào kép cải lương... lan ra cả ngoài đường.

...
Cùng lúc, bọn du đảng trộm cướp nổi lên quấy phá khắp nơi; có tin đồn chúng tìm nhà Hoa kiều để cướp phá, để hãm hại. Một số tiệm thuốc Bắc do người Hoa làm chủ vì quá sợ hãi mà đóng cửa sớm vào ban chiều; nhiều người địa phương có máu mặt cũng sợ vạ lây nên tránh né hoặc cắt đứt hẳn liên lạc với người Hoa trong vùng... thậm chí có những người Hoa dọn nhà đi nơi khác.

...
Đi đôi với những chuyện trên, rộ lên những tin đồn chệt Xán –chồng của xẩm Lìn- hiện hồn nơi này nơi khác, có người đoan chắc đã gặp chệt Xán thất thủ đi ngoài đường với đoạn dây thông lọng còn trong treo lồng thông trên cổ; kẻ khác thấy chệt Xán treo cổ toòng teng trên các cây gừa trong vùng.

...
Dân gian là mảnh đất tốt nhất để cày xới, gieo trồng... lên đó mọi ý tưởng tốt lẫn xấu. Mọi đầu óc mưu lược trên thế giới đều tự nhiên cùng hiểu rõ điều này nên mới có câu: “*Dĩ dân vi bản*” (lấy dân làm gốc) (7).

Với những đầu óc mưu lược nhưng không phải là những chính trị gia... họ cũng nghĩ ra được như vậy nhưng họ còn thâm mưu hơn, nghĩ đến lợi dụng cày cấy gieo trồng những sự mù mờ, bao điều ảo mộng hoặc trăm mối đơm đặt tà hư... lên dân gian, nhất là dân gian vùng thôn quê ít học, vì ở thôn quê dân gian ít học rất dễ bị lợi dụng, rất dễ hóng chuyện rồi đua nhau đồn đại mà không hề suy nghĩ điều mình đồn thổi ấy có lý hay không có lý.

(*còn tiếp*)

(1) Ma quỷ cũng là đối thủ mà loài người không hề biết mặt, đó là một thứ tối tăm. Ma quỷ luôn ở trong tối (nấp lén và nuôi gian ý hãm hại loài người), một thứ tối tăm nữa. Vì chính chúng là bóng tối, bóng tối tội lỗi, bóng tối sự chết, một thứ tối tăm khác nữa loài người ở khơi khơi ngoài sáng, đã vậy, đa số người còn cứ khờ dại chủ quan, khờ dại kiêu hãnh, khờ dại thoả mái và khờ dại thả mình cho những gian ý của ma quỷ... thậm chí còn xem thường hoặc còn vô tình tiếp tay. Không biết cũng chẳng sợ. Thánh Tôma Aquinô nói: “Kẻ biết sợ là kẻ khôn”. Tại sao? – Vì biết kính sợ Thiên Chúa để quy phục và thờ kính Người hết dạ; biết kính sợ ma quỷ để tránh xa chúng và những gì thuộc về chúng. Sách Huấn ca cũng dạy: “Đầu mối của khôn ngoan là kính sợ Thiên Chúa” và “Lòng kính sợ Thiên Chúa dạy ta tránh xa tội lỗi” (Hc 1,27).

(2) Trước Công đồng Vat. II, thánh lễ hát trọng thể còn được gọi là lễ đi-súp. Hai bên linh mục chủ sự có một linh mục khác thủ vai thầy Sáu còn gọi là thầy phó tế (tiếng Latin là diaconus, viết tắt là di) và một linh mục khác nữa thủ vai thầy Năm còn gọi là phụ phó tế, (tiếng Latin: subdiaconus, viết tắt là sub); từ đó, theo cách bình dân, gọi tắt là “lễ đi-súp”. Hiện nay không còn thánh lễ đi-súp, chỉ có thánh lễ đồng tế. (Chú thích thêm của Ma Văn Liêu).

(3) Người Việt Nam thường biểu hiện mình qua 2 dấu ấn: ồn ào và xả rác.

(4) Gánh hát Sơn Đông. Một nghề chuyên đi đó đây biểu diễn võ thuật kiếm sống (gánh lớn và tài giỏi thì hát ngoài lộ cái, chợ búa thị trấn.. gánh nhỏ hoặc kém tài thì lưu diễn ở nông thôn, chợ xã, đình làng), còn được gọi là Sơn Đông Mãi võ. Nghề Sơn Đông Mãi võ xuất xứ từ những võ sư người tỉnh Sơn Đông phía đông ven biển Trung Hoa, chỉ chuyên biểu diễn võ thuật, nhưng các võ sư thường là những người biết nghề thuốc nên dần dần bán thêm thuốc gia truyền sau khi biểu diễn vài thế võ ngoạn mục. Khi sang Việt Nam, múa võ, bán thuốc còn được phối hợp thêm làm xiếc người, xiếc thú và cả ảo thuật... lâu dần có gánh còn chêm thêm múa hát, kịch nghệ... nên gọi lại là gánh hát Sơn Đông. Nhiều võ sư người Việt cũng tham gia hành nghề Sơn Đông Mãi võ, nên về sau, người Hoa nhường bước trước những gánh hát Sơn Đông rất kỳ tài của người Việt.

(5) Thuốc “cao đơn hườn tán”. Cách gọi tóm 4 dạng thuốc. Cao: là thuốc nấu cho cô lại thành kẹo; đơn hay đan: là thuốc (thang) hòa với nước nấu (sắc) trên lửa; hườn hay hoàn: là thuốc vo thành viên tròn; tán: là thuốc tán nhuyễn thành bột.

(6) Dầu cù-là hay dầu cao là một loại cao bôi ngoài da dạng sệt có tác dụng làm nóng, chữa cảm cúm và phòng một số bệnh thông thường... thường được đóng trong các hộp nhỏ bằng kim loại hoặc thủy tinh. Thành phần chủ yếu là các tinh dầu với công thức tùy thuộc công thức riêng của nhà sản xuất. Nhiều công thức làm dầu gió được xem là bí mật thương mại cũng như công thức gia truyền nhiều đời. Khảo sát nhiều loại dầu cù là tại Việt Nam, hai thành phần thường bắt gặp nhất là menthol và methyl salicylate, hai chất này có trong tinh dầu bạc hà. Ngoài ra còn có khuynh diệp, quế, trầm, long não, hương nhu, thông, camphor, cineol,... Nguồn gốc tên gọi theo tác giả An Chi trong sách “Chuyện Đông Chuyện Tây” thì: Cù-là là tên mà người xưa ở miệt dưới (miền Tây Nam bộ) dùng để gọi nước Miến Điện (Myanmar). Trước đây có một loại dầu cao mang nhãn hiệu Mac Phsu, sản xuất tại Miến Điện, được ưa chuộng khắp Nam bộ... nên nó mới được gọi là dầu cù-là (dầu được sản xuất từ nước Cù-là). Sau này danh từ dầu cù-là được dùng rộng rãi để chỉ tất cả các loại dầu cao,

(7) Sinh thời, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn luôn đề cao tư tưởng: “Dĩ dân vi bản” (lấy dân làm gốc). Trong những giai đoạn thịnh trị, các triều đại phong kiến khác cũng chịu ảnh hưởng lớn bởi tư tưởng này. Và sau này, con trai của Hồ Quý Ly là Hồ Nguyên Trừng đã nói một câu thấm thía và xót xa rằng: “Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng người không theo”. Cũng vậy, năm 1418, Lê Lợi phát động cuộc khởi nghĩa, phong Nguyễn Trãi làm quân sư. Nguyễn Trãi rất cảm ơn lòng tri ngộ ấy nhưng ông tự hiểu mình được Lê Lợi tin dùng nhưng tướng tá dưới quyền chưa phục. Nguyễn Trãi vốn là cháu ngoại họ Trần, lại làm quan cho nhà Hồ, nhiều tướng

lĩnh Lam Sơn nhìn vào lý lịch này không khỏi nghi kỵ dù ông được Lê Lợi phong làm quân sư. Ngoài mặt họ phải phục tùng nhưng trong lòng chưa phục. Bình Ngô sách hay dở thế nào họ chưa biết nhưng bây giờ Nguyễn Trãi đã ngồi trên đầu họ và chỉ huy họ. Nguyễn Trãi hiểu được tình thế ấy, ông chỉ phải làm thế nào để khẳng định được vị trí của mình. Mình đến Lam Sơn chỉ nhằm báo thù nhà đền nợ nước và một lòng phò Lê Lợi. Dựa theo tín ngưỡng thần quyền lúc bấy giờ, ông nghĩ ra một mẹo và xin Lê Lợi cho phép thực thi. Được Lê Lợi đồng ý, ông sai Phạm Cuồng bí mật đem theo quân vào rừng, dùng mỡ và mật viết chữ lên những chiếc lá to. Mấy chữ đó là “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần (Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm bề tôi). Kiến rừng thấy mỡ béo và mật ngọt xúm đến ăn, đục thân lá và dần dần những chữ viết hiện ra. Lá khô rụng xuống, theo nước khe chảy ra sông, dân chúng vớt lên, đọc thấy chữ viết càng tin Lê Lợi và Nguyễn Trãi là những bậc kỳ tài, được trời phù hộ.